

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 11 - 10 - 2024.

V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Ích

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Chính.

2. Bà Dương Thị Vui.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2024/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024. Về vụ án kiện xin ly hôn và giải quyết con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2024/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2024/QĐST – HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 giữa:

+ Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu D - Sinh năm 1997;

Địa chỉ: Xóm D, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

+ Bị đơn: Anh Phạm Văn H - Sinh năm 1993.

Địa chỉ: Xóm D, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị D, vắng mặt anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện lập ngày 10/4/2024 và lời khai của chị Phạm Thị Thu D trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện: Chị kết hôn với anh Phạm Văn H vào tháng 6/2016 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã

N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi được cấp đăng kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2021. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong sinh hoạt và anh H không lo làm ăn còn hay chửi bới đánh đập chị. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh H vẫn không thay đổi. Năm 2021 chị đã làm đơn xin ly hôn anh H nhưng được Tòa án hòa giải nên đã xin rút đơn về đoàn tụ và cho anh H cơ hội sửa chữa nhưng anh H1 vẫn không thay đổi do vậy vợ chồng ly thân nhau từ tháng 11/2023. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H là không còn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn H.

Về con chung: Chị D xác định giữa chị và anh H có hai con chung là cháu Phạm Tiến D1, sinh ngày 10/11/2016 và cháu Phạm Xuân H2, sinh ngày 05/01/2018. Vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng xin nhận trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu anh H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Sau khi hỏi ý kiến của con và anh H chị đề nghị giải quyết con chung cụ thể; Chị xin nhận trực tiếp nuôi con chung là cháu Phạm Xuân H2, sinh ngày 05/01/2018 và nhất trí để anh H trực tiếp nuôi con chung là cháu Phạm Tiến D1, sinh ngày 10/11/2016. Không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm chị đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay anh Phạm Văn H vắng mặt. Lời khai của anh H tại các buổi làm việc với Tòa án thể hiện: Anh kết hôn với chị D vào tháng 6/2016, kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và chị D đã làm đơn xin ly hôn. Anh hứa sẽ thay đổi và được Tòa án hòa giải nên chị D đã rút đơn về đoàn tụ. Đến đầu năm 2024 thì vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân từ đó. Nay chị D xin ly hôn anh thì anh không nhất trí ly hôn vì lý do con còn nhỏ.

Về con chung: Anh H thống nhất giữa anh và chị D có hai con chung là cháu Phạm Tiến D1, sinh ngày 10/11/2016 và cháu Phạm Xuân H2, sinh ngày 05/01/2018. Vợ chồng ly hôn anh xin nhận trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu chị D phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí anh đề nghị giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Hôn nhân giữa chị D và anh H là hôn nhân tiền bộ, hợp pháp. Vợ chồng chung sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Xét thấy hôn nhân giữa chị D và anh H không còn nên:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị Thu D và anh Phạm Văn H; Về con chung: Giao cháu Phạm Tiến D1, sinh ngày 10/11/2016 cho anh Phạm Văn H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Xuân H2, sinh ngày 05/01/2018 cho chị Phạm Thị Thu D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung;

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội tuyên chị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Phạm Thị Thu D và anh Phạm Văn H đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nay chị D có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giải quyết vụ án chị xin ly hôn anh H và được Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay anh Phạm Văn H vắng mặt nhưng anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xét xử vắng mặt anh H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thu D và anh Phạm Văn H vào tháng 6 năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiền bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh đầu năm 2021, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, gia đình hai bên hoà giải nhưng

không thành do vậy chị D đã làm đơn xin ly hôn anh H và đã được Tòa án hòa giải nên chị D đã rút đơn về đoàn tụ nhưng vợ chồng chỉ chung sống được thời gian ngắn thì lại phát sinh mâu thuẫn do không thể hàn gắn vợ chồng ly thân nhau từ cuối năm 2023. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Phía anh H không nhất trí ly hôn vì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, con còn nhỏ. Xét việc xin ly hôn của chị D và quan điểm của anh H thấy: Mâu thuẫn giữa chị D và anh H đã kéo dài và trầm trọng gia đình và Toà án đã hoà giải nhưng không thành, như vậy hôn nhân đã tan vỡ. Nay chị D xin ly hôn anh H nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị Thu D và anh Phạm Văn H đều thống nhất xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Phạm Tiến D1, sinh ngày 10/11/2016 và cháu Phạm Xuân H2, sinh ngày 05/01/2018. Vợ chồng ly hôn chị D xin nhận trực tiếp nuôi con chung là cháu Phạm Xuân H2, sinh ngày 05/01/2018 và nhất trí để anh H trực tiếp nuôi con chung là cháu Phạm Tiến D1, sinh ngày 10/11/2016. Không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia. Phía anh H xin nhận trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu chị D phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Xét việc xin giải quyết con chung của chị D và việc xin nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu chị D phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng mình của anh H thấy: Chị D và anh H đều làm lao động tự do nên có điều kiện kinh tế nuôi con như nhau, việc chăm sóc nuôi con chung là ngang nhau vì vậy nên giao mỗi người trực tiếp nuôi một là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án cháu D1 có lời khai khi làm việc với Toà án thể hiện nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng xin ở với bố vì thế giao cháu D1 cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu H2 cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào là phù hợp.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Phạm Thị Thu D và anh Phạm Văn H đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Phạm Thị Thu D phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.
Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ các Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1- Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị Thu D và anh Phạm Văn H.

2- Về con chung: Xử giao con chung là cháu Phạm Tiến D1, sinh ngày 10/11/2016 cho anh Phạm Văn H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Phạm Xuân H2, sinh ngày 05/01/2018 cho chị Phạm Thị Thu D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3- Án phí dân sự sơ thẩm chị Phạm Thị Thu D phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai số 0001434 ngày 05/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị D, vắng mặt anh H. Báo cho người có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh.
- VKS huyện.
- THA huyện.
- UBND xã Nghĩa Phú.
- Các đương sự.
- Lưu án văn

Trần Trọng Ích